

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật Phí và Lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94/2012, Quyền số 01/2012 ngày 20/12/2012 tại UBND xã T, huyện T (nay là phường T, quận B), thành phố H.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

1. Chị Phạm Thị T, sinh ngày 01/11/1986;

CCCD số 030186000226; Ngày cấp: 19/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi ĐKTT và nơi cư trú: TDP C7, phường T, quận B, Thành phố H.

2. Anh Phạm Hồng S, sinh ngày 24/12/1984;

CCCD số 001084013776; Ngày cấp: 06/12/2024; Nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi ĐKTT: TDP C7, phường T, quận B, Thành phố H.

Nơi cư trú: Nhà ở xã hội TDP Y, phường N, thị xã V, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2012 tại UBND xã T, huyện T (nay là phường T, quận B), thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu. Tuy nhiên đến tháng 3/2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình trạng căng thẳng thường xuyên kéo dài, không thể giải quyết. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị T, anh S có 02 con chung là cháu Phạm Thiên B, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Phạm Thiên T1, sinh ngày 02/01/2017. Giao cháu B và cháu T1 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng/01 con (tức là 10.000.000 đồng/01 tháng/02 con kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Sự thỏa thuận trên của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị T phải

chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị T.

- *Về con chung:* Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Phạm Thiên B, sinh ngày 18/6/2014 và cháu Phạm Thiên T1, sinh ngày 02/01/2017.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cháu Phạm Thiên B và cháu Phạm Thiên T1 cho chị Phạm Thị T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Hồng S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng/01 con (tức là 10.000.000 đồng/01 tháng/ 02 con) kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Anh Phạm Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Anh Phạm Hồng S và chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: 0075889 ngày 11/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H. Ghi nhận chị T và anh S đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H